

**KẾ HOẠCH**  
**Bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Lắk năm 2019**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 1619/BTNMT-KHTC ngày 03/04/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2019 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

UBND Đắk Lắk xây dựng Kế hoạch và Dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2019 của tỉnh với những nội dung cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN  
NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2017 VÀ NĂM 2018**

1. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở địa phương năm 2017 và năm 2018

1.1. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở địa phương năm 2017 và năm 2018

Những năm gần đây công tác bảo vệ môi trường được sự quan tâm của lãnh đạo các ngành, các cấp, việc lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo phát triển theo hướng bền vững. Chính vì vậy ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật về Bảo vệ môi trường đã được các cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao. Công tác bảo vệ môi trường đã được lồng ghép vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh và đã đạt được nhiều kết quả tích cực tạo tiền đề tốt để tăng cường công tác bảo vệ môi trường.

Tiếp tục quán triệt Nghị Quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu tăng cường quản lý tài nguyên và Bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường, Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích. Trong năm 2017, 2018, Tỉnh Đắk Lắk đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đến tất cả các cấp, ngành, các đơn vị, huyện, thị xã và thành phố, chỉ đạo 100% các huyện và thị xã thành phố tổ chức các hoạt

động hưởng ứng các ngày lễ lớn về môi trường, ngày Quốc tế đa dạng sinh học, ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn bằng những hoạt động thiết thực như treo panô, băng rôn, áp phích, mít ting, diễu hành, làm vệ sinh môi trường thu gom rác thải, khai thông cống rãnh, trồng và chăm sóc cây xanh với hàng ngàn lượt người tham gia. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người dân với hơn 1800 lượt người tham gia.

Triển khai thực hiện lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc tự động liên tục và truyền dẫn số liệu quan trắc, xây dựng Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng mạng lưới quan trắc tự động liên tục.

Thực hiện Quan trắc môi trường năm 2017, 2018 theo đúng quy định.

1.2. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của Thủ tướng chính phủ về các nhiệm vụ bảo vệ môi trường

Tỉnh Đắk Lắk có 15 cơ sở phải xử lý triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg. Tính đến nay, có 14/15 cơ sở đã được chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để. Cơ sở còn lại là Kho thuốc bảo vệ thực vật tại phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột. Trước đây, khu vực trên do Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh sử dụng để lưu giữ thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình xử lý vi phạm. Năm 2009, khu vực này được giao lại cho Công ty TNHH MTV Đình Trung để hoạt động sản xuất các loại gạch lát sàn, vỉa hè. Đối với điểm ô nhiễm thuộc khu vực công ích này, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có nhiều văn bản kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, đưa vào kế hoạch xử lý ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu và hỗ trợ kinh phí xử lý nhưng chưa được phê duyệt. Ngày 08/8/2016, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có Công văn số 6158/UBND-NNMT đồng ý chủ trương và giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư lập dự án xử lý ô nhiễm đối với kho thuốc bảo vệ thực vật này. Hiện Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với các Sở, ngành thực hiện các hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Đắk Lắk hiện có 20 cơ sở thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (gồm 18 bệnh viện và 02 bãi chôn lấp chất thải rắn thuộc đối tượng khu vực công ích). Hiện nay, các bệnh viện đã cơ bản hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để, tuy nhiên vẫn chưa được chứng nhận vì chưa có văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Riêng 02 bãi chôn lấp chất thải rắn đang triển khai các biện pháp xử lý ô nhiễm tạm thời vì thiếu nguồn kinh phí.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018.

2.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường:

2.1.1. Về công tác thẩm định và báo cáo đánh giá tác động môi trường

Công tác phê duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp tỉnh: 16 báo cáo đánh giá tác động môi trường, 02 phương án cải tạo phục hồi môi trường, 09 Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, 01 Đề án bảo vệ môi trường đơn giản, 01 Kế

hoạch bảo vệ môi trường. Đối với các hồ sơ không đủ điều kiện để phê duyệt hoặc không thuộc thẩm quyền của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản trả lời và hướng dẫn để chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định.

Công tác xác nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp huyện: 253 Kế hoạch bảo vệ môi trường, 89 Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Công tác kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường: Cấp 11 Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho các dự án; chấp thuận cho 09 dự án phải bổ sung, điều chỉnh các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Định kỳ 06 tháng/lần, tổ chức rà soát các dự án chưa thực hiện và có văn bản đôn đốc, nhắc nhở các chủ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Về công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm và cam kết bảo vệ môi trường

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức triển khai công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Công tác thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và kết thúc đúng kế hoạch đề ra. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, đã phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời có văn bản yêu cầu các đơn vị khắc phục các hành vi vi phạm, các tồn tại đã phát hiện trong các đợt thanh tra, kiểm tra. Kết quả xử lý vi phạm hành chính năm 2016 – 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường và lực lượng cảnh sát môi trường tỉnh là 3.486.643.000 đồng đối với 293 đối tượng vi phạm

Chỉ đạo UBND thành phố, thị xã Buôn Hồ và các huyện: Triển khai thực hiện quy định của pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; tăng cường công tác quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh; đề nghị các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện báo cáo kết quả quan trắc môi trường/báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Công tác quản lý hoạt động công ích về chất thải rắn và chất thải nguy hại.

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

Trên địa bàn tỉnh hiện có 17 đơn vị dịch vụ công ích hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, 100% huyện lỵ có tổ chức dịch vụ công ích theo hình thức xã hội hóa, riêng khu vực nông thôn có 27/151 xã (đạt 17,88%) có tổ chức dịch vụ thu gom chất thải rắn (CTR) sinh hoạt đến trung tâm xã và khu dân cư tập trung nông thôn.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh xử lý CTR bằng công nghệ tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ. CTR phát sinh được thu gom, xử lý bằng phương pháp chôn lấp; đổ tự do phun thuốc, đốt theo định kỳ;

Tổng diện tích 15 bãi chôn lấp hiện có trên toàn tỉnh khoảng 59,53 ha, với năng lực tiếp nhận chất thải rắn bình quân khoảng 520 tấn/ngày. Trong đó: Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt lớn nhất tại thôn 3, xã Cư Ê bur, thành phố Buôn

Ma Thuột với diện tích là 22 ha, tiếp nhận bình quân trên 228,6 tấn/ngày, chiếm 43,89% tổng lượng rác tiếp nhận trên địa bàn tỉnh; Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt nhỏ nhất là tại huyện Krông Păk với diện tích là 0,48 ha. Hầu hết các bãi chôn lấp tập trung, xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố và các huyện, xã (trừ Bãi chôn lấp chất thải rắn theo dự án mở rộng tại xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột và Bãi chôn lấp huyện Cư Kuin) chưa được đầu tư xây dựng theo đúng tiêu chuẩn Bãi chôn lấp hợp vệ sinh.

**b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Hiện nay chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất, chế biến được các đơn vị tự hợp đồng với đơn vị thu gom theo hình thức: đối với chất thải công nghiệp có thể tái chế hoặc sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình sản xuất khác thì được chuyển giao theo hợp đồng mua bán phế liệu; đối với chất thải không còn tính hữu ích (không còn khả năng tái chế, tái sử dụng) thì được chuyển giao cho đơn vị xử lý chất thải công nghiệp để xử lý. Tỉnh Đắk Lắk đã có chủ trương để Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chuyên đề “Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình phát sinh, quản lý chất thải”, tuy nhiên do khó khăn về kinh phí nên đến nay vẫn chưa thể bố trí kinh phí để triển khai thực hiện. Do đó, hiện chưa có số liệu điều tra, thống kê về khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh.

**c) Chất thải nguy hại:**

Tính đến 31/12/2017, tỉnh Đắk Lắk đã cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho 146 đơn vị; trong đó năm 2017 số sổ cấp lần đầu là 02, cấp lại là 07. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2017 là 381.075,4 kg. Trong đó, có 34 đơn vị có khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm trên 600 kg. Đối với các đơn vị đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, hầu hết các đơn vị đã hợp đồng với tổ chức có chức năng để chuyển giao xử lý chất thải, riêng chất thải y tế nguy hại tại các Bệnh viện công lập được đơn vị tự xử lý bằng lò đốt chất thải y tế hoặc lò hấp tiệt trùng. Đối với lượng chất thải nguy hại phát sinh tại các chủ nguồn thải nhỏ hoặc tại các vùng sâu, vùng xa chỉ phần nhỏ được thu gom, xử lý; số còn lại được bán để tái chế (nhớt, ắc quy) hoặc thậm chí bị đổ lẩn vào chất thải sinh hoạt và chôn lấp chung tại bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt (giẻ lau, bóng đèn, pin, hộp mực in).

**2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu môi trường:**

**Năm 2017:**

Tỷ lệ che phủ rừng 38.49% đạt 97% so với kế hoạch

Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch: 82%; vượt 5% so với kế hoạch phát triển KT-XH năm được UBND tỉnh phê duyệt.

Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch: 89.43; vượt 1% so với kế hoạch phát triển KT-XH năm được UBND tỉnh phê duyệt.

Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: đạt 22% so với kế hoạch phát triển KT-XH năm được UBND tỉnh phê duyệt.

Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 93.33% (14/15 cơ sở cần xử lý)

Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý theo Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Chưa thực hiện do văn bản quy phạm pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục lập hồ sơ nên các đơn vị chưa thể hoàn tất hồ sơ để được chứng nhận theo quy định.

Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) đô thị thu gom, xử lý: 78%; đạt 95% so với kế hoạch phát triển KT-XH năm được UBND tỉnh phê duyệt;

Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định: Tổng số đô thị trên địa bàn tỉnh: 16 đô thị. Trong đó, thành phố Buon Ma Thuột có nhà máy xử lý nước thải tập trung, chiếm tỷ lệ đô thị xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường là: 6,25 %.

#### **Ước thực hiện năm 2018:**

Tỷ lệ che phủ rừng: 38.46%

Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở nông thôn: 90%

Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch: 84.9%;

Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 93.3% (Đang trình Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ kinh phí để thực hiện 01 cơ sở còn lại).

Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý theo Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Hiện chưa thực hiện do văn bản quy phạm pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục lập hồ sơ nên các đơn vị chưa thể hoàn tất hồ sơ để được chứng nhận theo quy định.

Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 20%

Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) đô thị thu gom, xử lý: 82%;

Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định: 6,25%.

*(Các chỉ tiêu được đính kèm tại phụ lục 1).*

2.3. Kinh phí chi cho sự nghiệp môi trường:

Ước thực hiện năm 2018 là: 53.933 triệu đồng

*(Chi tiết kèm theo phụ lục 2)*

*(Kinh phí trên không bao gồm kinh phí chi thường xuyên của các nhiệm vụ chi cho công tác bảo vệ môi trường)*

3. Khó khăn, tồn tại trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

Luật Bảo vệ môi trường 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015, nhưng các văn bản hướng dẫn thi hành còn chậm ban hành, đến thời điểm này vẫn còn nhiều nội dung chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, do vậy một số nhiệm vụ chuyên môn không thể triển khai thực hiện được theo kế hoạch đề ra, như: Công tác chứng nhận các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết

định số 1788/QĐ-TTg đã hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường triệt để; thẩm định kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố tràn dầu trên đất liền...

Tình hình xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn vẫn còn nhiều bất cập do chưa có đơn vị thu gom và xử lý dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý tại các cơ sở phát sinh chất thải nguy hại.

Kinh phí đầu tư cho việc xử lý chất thải, cải thiện khắc phục ô nhiễm môi trường còn thấp nên chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Tình trạng khai thác rừng trái phép nói chung và tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ngày càng phức tạp, gây tác động bất lợi cho việc giữ gìn, bảo vệ môi trường, bảo tồn nguồn tài nguyên, phát triển du lịch sinh thái.

Trình độ dân trí tại các huyện trên địa bàn tỉnh không đồng đều, thành phần dân tộc đa dạng, dân cư phân tán, nguồn nhân lực, phương tiện còn hạn chế nên công tác bảo vệ môi trường gặp rất nhiều khó khăn.

### III. Kiến nghị và đề xuất:

Trong những năm qua công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường quan tâm tạo điều kiện, các cơ quan quản lý môi trường từ tỉnh đến cơ sở đã cơ bản được kiện toàn, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được đầu tư nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay và những năm tới. Để công tác quản lý môi trường của tỉnh trong những năm tới đáp ứng được yêu cầu, UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục môi trường tạo điều kiện giúp đỡ địa phương một số vấn đề sau:

#### 1. Đề nghị Chính phủ:

Tiếp tục quan tâm, hỗ trợ tinh nguồn kinh phí Trung ương để triển khai thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH; khắc phục ô nhiễm cải thiện môi trường (đặc biệt là các dự án xử lý chất thải).

#### 2. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ ngành có liên quan

2.1. Xem xét hỗ trợ kinh phí của Trung ương cho tỉnh Đắk Lắk để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình mục tiêu Quốc gia về bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH. Tăng phân bổ nguồn Ngân sách Trung ương cho địa phương để triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia về Bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH. Như đầu tư cho thu gom xử lý CTR; nước thải tại các cụm công nghiệp...

2.2. Tăng cường mở các lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị truyền truyền nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực cho cán bộ địa phương các nội dung của Luật BVMT 2014 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan; công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường.

### Phần thứ hai

## KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

### I. Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2019

Tập trung nguồn lực triển khai, thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2014 Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Chiến lược bảo vệ môi trường cấp Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 và thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo chỉ đạo của Chính phủ để triển khai thực hiện, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ chính sau:

#### 1. Hỗ trợ xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường bức xúc ở địa phương:

Tập trung nguồn lực xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg; Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý, giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc, các "điểm nóng" về môi trường. Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các đơn vị y tế, công tác quản lý chất thải theo Quyết định 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; đầu tư hệ thống xử lý rác thải trên địa bàn toàn tỉnh.

Tập trung xử lý ô nhiễm nguồn nước, cải thiện môi trường nước. Kiểm soát và quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; kiểm soát khí thải tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị.

#### 2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm:

Tiếp tục thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã được lồng ghép vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng Quy hoạch tổng thể về bảo vệ môi trường lồng ghép với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch đô thị, khu dân cư và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học làm nền tảng cơ sở cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

Tiếp tục bổ sung hoàn thiện hệ thống mạng lưới các điểm quan trắc phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Lắk môi trường toàn tỉnh, đặc biệt chất lượng môi trường không khí tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực khai thác khoáng sản tập trung; Hoàn thiện và duy trì hoạt động quan trắc môi trường thường xuyên của trạm quan trắc nước tự động di động, quan trắc khí tự động di động.

Tổ chức rà soát, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến, có công nghệ xử lý chất thải đạt Quy chuẩn môi trường hoặc ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường.

Đối với khu vực nông thôn gắn bảo vệ môi trường với Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, bảo đảm hoàn thành các tiêu chí 17 về môi trường. Hỗ trợ đầu tư xây dựng các khu xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh, nghĩa trang nông thôn; theo điều kiện của từng xã, vận động nhân dân tự xử lý rác tại nguồn bằng biện pháp phù hợp. Hỗ trợ xử lý tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục, xử lý môi trường khi có dịch bệnh, các sản phẩm hóa chất không đảm bảo vệ sinh...

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất hàng năm về công tác chấp hành Luật Bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tập trung vào các cơ sở khai thác khoáng sản; các nhà máy chế biến tinh bột sắn, cà phê...; Xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và khai thác sử dụng trái phép tài nguyên thiên nhiên. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác rừng trái phép tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

### 3. Quản lý chất thải:

Rà soát, kiểm tra, đôn đốc nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh nước thải, đảm bảo hoạt động thu phí đạt 100%.

Rà soát, hướng dẫn cơ sở phát sinh chất thải nguy hại lập hồ sơ đăng ký sở chủ nguồn thải và quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Xây dựng các mô hình thu gom xử lý chất thải tại khu vực các huyện nhằm khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải theo hướng xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

Điều tra, thống kê, lấy mẫu, phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Hỗ trợ vận hành các hệ thống xử lý chất thải ở các khu vực tập trung dân cư, hệ thống bệnh viện, các hoạt động thu gom và xử lý chất thải, hoạt động của các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.

### 4. Bảo vệ Đa dạng sinh học:

Phục hồi và phát triển các diện tích rừng đã bị suy thoái, góp phần đưa tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt trên 40%.

Điều tra, khảo sát đánh giá và bảo tồn các giống loài động vật, thực vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng trong danh mục cần bảo vệ. Phòng ngừa, ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật bản địa gen gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Thực hiện điều tra, đánh giá và bảo tồn các giống loài động vật, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

### 5. Tăng cường năng lực quản lý môi trường:

Tăng cường năng lực tổ chức của cơ quan chuyên môn và biên chế cán bộ quản lý từ cấp tỉnh đến cơ sở để phục vụ có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ môi trường.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi



trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Xem xét, bổ sung biên chế cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm khắc các tổ chức, cá nhân có hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất và xây dựng các mô hình điem về công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường.

Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường thông qua các hình thức như tập huấn, tuyên truyền, xây dựng các mô hình tự quản, mô hình thu gom, xử lý, tái chế chất thải của các tổ chức đoàn thể.

#### **6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức:**

Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 và các văn bản có liên quan. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền, thông tin; các sở, ban ngành, tổ chức chính trị xã hội trong việc nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các cấp, các ngành và người dân trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường tuyên truyền sâu rộng về công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt tại những khu dân cư tập trung, khu du lịch, danh thắng và khu bảo tồn đa dạng sinh học.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện tốt tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

#### **7. Nhu cầu nguồn vốn thực hiện năm 2019:**

Tổng kinh phí đề xuất năm 2019: 83.803 triệu đồng.

*(Theo Phụ lục 3 đính kèm)*

## **II. Tổ chức thực hiện:**

### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tổ chức, triển khai việc thực hiện kế hoạch BVMT, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Tham mưu giúp UBND tỉnh đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, nhằm đảm bảo các hoạt động bảo vệ môi trường được thực hiện đầy đủ đúng theo tiến độ và mục tiêu đề ra.

Phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng chương trình phối hợp hành động về bảo vệ môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về BVMT của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, chú trọng đến các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường

nghiêm trọng. Xử lý hoặc đề xuất xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố tìm giải pháp xử lý ngay các khu vực, điểm ô nhiễm môi trường đang tồn tại và bức xúc từ trước đến nay trên địa bàn tỉnh.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Tham mưu cho UBND tỉnh đảm bảo phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế, kinh phí sự nghiệp môi trường, tập trung ưu tiên đầu tư các dự án trọng điểm giải quyết ô nhiễm môi trường các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, làng nghề, khu, cụm công nghiệp.

Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước cho các hoạt động đảm bảo môi trường trong đó ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

Trong hoạt động xúc tiến đầu tư cần chú ý ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

## 3. Sở Nội vụ:

Xem xét tham mưu cho UBND tỉnh về việc bổ sung biên chế cho cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã theo quy định.

## 4. Ban Quản lý Khu công nghiệp:

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về BVMT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp, Khu kinh tế.

Có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng các KCN, CCN triển khai thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải, nước thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra môi trường xung quanh.

Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh về BVMT trong khu công nghiệp tập trung.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về BVMT cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý.

## 5. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Các Sở/ngành/UBND các huyện, thị xã thành phố lập dự toán chi sự nghiệp môi trường, đồng thời tổng hợp vào dự toán năm sau theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai kế hoạch Bảo vệ môi trường đã phê duyệt tới các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn; tổ chức triển khai các Chương trình, Đề án, dự án theo kế hoạch BVMT tỉnh Đắk Lắk. Tổ chức đánh giá, báo cáo tiến độ và kế hoạch thực hiện kế hoạch BVMT theo chức năng nhiệm vụ của ngành, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trước ngày 15/11 hàng năm.

Tăng cường các hoạt động thanh, kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về BVMT đối với các hoạt động KTXH trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về môi trường theo thẩm quyền; Báo cáo đề xuất các trường hợp vượt thẩm quyền.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về BVMT cho các cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trên địa bàn; nêu gương những tổ chức, cá nhân, điển hình tiên tiến về BVMT; công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với cơ sở vi phạm pháp luật về BVMT.

#### 6. Các tổ chức Đoàn thể của tỉnh:

Phối hợp với chính quyền cùng cấp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các đoàn thể quần chúng, các đoàn viên, hội viên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường địa phương.

Tuyên truyền pháp luật về BVMT cho cộng đồng, xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình về BVMT (quan tâm tới đồng bào dân tộc thiểu số).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, yêu cầu các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất về UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2019 của tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm, xem xét, bố trí cấp kinh phí để tỉnh Đắk Lắk tổ chức triển khai, thực hiện. / *Y. Giang*

Nơi nhận: *Y. Giang*

- Bộ TN&MT (04 bản);
- TT.Tỉnh uỷ; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, CN, NN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT (H. 70 b)



Y Giang Gry Niê Knơng

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 0745/KH-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Ước thực hiện 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	38.49	38.46	38.60	(*)
2	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở nông thôn (sử dụng nước hợp vệ sinh)	%	89.43	90	91	(*)
3	Tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch ở đô thị	%	82	84.9	86	(**)
4	Tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt tiêu chuẩn môi trường	%	11.1	20	20	(***)
5	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg)	%	93,33	93,33	100	(***)
6	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo vệ sinh	%	78	82	87.6	(**)
7	Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định	%	6.25	6.25	6.25	(**)

**Ghi chú:**

(\*) Nguồn Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

(\*\*) Nguồn Sở Xây dựng

(\*\*\*) Nguồn Sở Tài nguyên và Môi trường

(\*\*\*\*) Nguồn Sở Y tế

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2017 VÀ NĂM 2018**

(Kèm theo Kế hoạch số: 10145/KH-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2017 (triệu đồng)	Kinh phí năm 2018 (triệu đồng)	Đơn vị thực hiện, Lưu giữ sản phẩm	Dự kiến tiến độ giải ngân(%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
A	Nhiệm vụ chuyên môn								
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp								
1.1	Thu gom, vận chuyển rác thải	2017, 2018	2.286	748	1.538	UBND Huyện Krông Năng	100	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	
1.2	Xử lý rác thải	2017	923	923	-	UBND Huyện Krông Năng	100	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	
1.3	Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung huyện Krông Năng	2017-2018	2.130	1.230	900	UBND Huyện Krông Năng	100	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	
1.4	Nâng cấp bãi rác xã Krông Jing	2016-2017	312	312	-	UBND huyện M'Đrăk	100	Lưu chứa, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn và các xã	
1.5	Bãi rác xã Ea Riêng	2016-2017	186	186	-	UBND huyện M'Đrăk	100	Lưu chứa, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Ea Riêng	
1.6	Đường vào bãi rác xã Krông Jing	2016-2017	104	104	-	UBND huyện M'Đrăk	100	Đường giao thông vận chuyển rác vào bãi rác	
1.7	Hỗ trợ một phần kinh phí thay đổi máy móc thiết bị kết hợp với việc nâng cao năng lực sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường	Đề án phát triển làng nghề giai đoạn 2014-2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh Đắk Lắk	90	90	-	Sở NN và PTNT	100.00	Thay đổi máy móc , thiết bị kết hợp với việc nâng cao năng lực sản xuất	Tổng kế hoạch Kp năm 2016-2018 là 705. Năm 2018 không bố trí

1.8	Thu gom vận chuyển xử lý chôn lấp rác thải...	Hàng năm	14.976	7.204	7.772	UBND huyện Ea Kar	100.00	Tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường và sức khoẻ của người dân	
1.9	Hệ thống xử lý chất thải y tế	2017	4.011	4.011	-	Sở LĐTĐ và XH	99.63	Thiết bị xử lý chất thải lỏng	
<b>I</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>25.018</b>	<b>14.808</b>	<b>10.210</b>				
<b>2</b>	<b>Nhiệm vụ mở mới</b>								
2.1	Đường vào bãi rác xã Ea Riêng	2017	171	171	-	UBND huyện M'Đrắk	100	Đường giao thông vận chuyển rác vào bãi rác	
2.2	Lập đề án bảo vệ môi trường 2 bãi rác xã Krông Jing và xã Ea Riêng	2017-2018	605	155	450	UBND huyện M'Đrắk	100	Đánh giá tác động, ảnh hưởng đến môi trường bãi rác, có biện pháp giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường	
2.3	Quy hoạch mạng lưới thu gom và xử lý CTR huyện đến năm 2020 định hướng đến năm 2025	2017	469	469	-	UBND huyện M'Đrắk	100	Đánh giá hiện trạng, dự báo mức phát sinh CTR đưa ra kế hoạch, định hướng thu gom và Xử lý CTR	
2.4	Thiết bị Phụ kiện, hệ thống đường ống thu gom nước thải, bể, nhà điều hành	2017	2120	2.120	-	Sở LĐTĐ và XH	100	Thiết bị Phụ kiện, hệ thống đường ống thu gom nước thải, bể, nhà điều hành	
<b>II</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.365</b>	<b>2.915</b>	<b>450</b>				
<b>B</b>	<b>Nhiệm vụ thường xuyên</b>								
1	Quan trắc môi trường tỉnh Đăk Lăk	Hàng năm	2.863	1602	1261	Trung Tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Đăk Lăk	100	Đã thực hiện theo đề cương	trả nợ năm 2017 là 221 triệu

3	Xây dựng , nâng cấp và sửa chữa bãi chôn lấp rác thải cho các xã, thị trấn	Hàng năm	1.350	1000	350	UBND huyện Cư M'gar	100	Lưu trữ, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn và các xã	
4	Quét dọn lòng đường vỉa hè, thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại thị trấn và các xã	2017-2018	1.926	426	1.500	UBND huyện M'Đrăk	100	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	
5	Vận hành bãi rác tập trung	2017-2018	362	200	162	UBND huyện Cư Kuin	100	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	
6	Các hoạt động tuyên truyền vào các ngày lễ lớn về môi trường	Hàng năm	1.228	1.228	-	UBND huyện Krông Năng	100	Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường	
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.729</b>	<b>4.456</b>	<b>3.273</b>				
<b>C</b>	<b>HỖ TRỢ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG</b>								
<b>1</b>	<b>Nhiệm vụ chuyển tiếp</b>								
<b>2</b>	<b>Nhiệm vụ mở mới</b>								
1	Hỗ trợ xử lý môi trường các điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật (Kho thuốc Bảo vệ thực vật phường Khánh Xuân, tp.BMT; khu vực tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật tại thôn 7 và thôn 11 xã Cư Ni, huyện Ea Kar)	2018-2019	40.000	-	40.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	chưa	Xử lý triệt để các điểm tồn lưu thuốc BVTV tại các điểm này.	Đã xây dựng trong kế hoạch 2016 đến nay chưa được thực hiện
<b>IV</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>40.000</b>	<b>-</b>	<b>40.000</b>				
	<b>CỘNG I+II+III+IV</b>		<b>76.112</b>	<b>22.179</b>	<b>53.933</b>				

**TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019**  
 (Kèm theo Kế hoạch số <sup>10795</sup> /KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ / dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lấy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Nhiệm vụ chuyên môn</b>										
<b>1</b>	<b>Nhiệm vụ chuyển tiếp</b>										
1	Nâng cấp và sửa chữa bãi chôn lấp rác thải cho các xã, thị trấn	Luật BVMT	Đảm bảo vệ sinh môi trường	Xây mới, nâng cấp, sửa chữa các bãi chôn lấp rác thải	Bãi xử lý rác thải tập trung	UBND huyện Krông Bông	2019	1.350	350	1.000	
2	Hỗ trợ một phần kinh phí thay đổi máy móc thiết bị kết hợp với việc nâng cao năng lực sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường	Đề án phát triển làng nghề giai đoạn 2014-2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh Đắk Lắk	Nâng cao năng lực sản xuất cho 01 làng nghề và 06 cụm nghề	Hỗ trợ thay đổi máy móc thiết bị, với việc nâng cao năng lực sản xuất	Máy móc, thiết bị	Sở NN và PTNT	2019	615	550	65	
I	<b>Tổng cộng</b>							1.965	900	1.065	
<b>2</b>	<b>Nhiệm vụ mở mới</b>										
1	Xử lý rác thải tại bãi rác sinh hoạt tập trung của huyện; Kinh phí lập dự án xây dựng bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh cấp huyện	Luật BVMT	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường; xử lý rác thải sinh hoạt	Mở rộng bãi rác và đường vào bãi rác, trồng cây xanh và xây tường rào bao quanh; đôn bù mở rộng mặt bằng	Bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh	UBND huyện Krông Năng	2019	7.000	-	7.000	



STT	Tên nhiệm vụ / dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019	Ghi chú
2	Điều tra và đề xuất giải pháp xử lý ngăn chặn sự xâm lấn của cây Mai Dương tại trên địa bàn huyện	Luật Đa dạng sinh học, Luật BVMT	Ngăn ngừa và kiểm soát được sự lây lan, giảm thiểu tác hại của cây Mai Dương nhằm ngăn chặn tác động tiêu cực đến môi trường và đa dạng sinh học	Điều tra, đánh giá hiện trạng và mức độ xâm hại của cây Mai Dương Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và sơ đồ phân bố của cây Mai Dương Phổ biến các tài liệu hướng dẫn về nhận dạng và biện pháp kiểm soát phòng ngừa và diệt trừ cây Mai Dương	Kiểm soát và diệt trừ cây Mai Dương tại huyện Krông Bông	UBND huyện Krông Bông	2019	133	-	133	
3	Điều tra khu hệ bò sát lưỡng cư	Luật Đa dạng sinh học, Luật BVMT	Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin ĐDSH để đề xuất các giải pháp bảo tồn hiệu quả	Điều tra khảo sát các loài bò sát lưỡng cư tại VQG Lập và bổ sung danh mục các loài bò sát lưỡng cư	Các giải pháp bảo tồn hiệu quả	VQG Chư Yang Sin và các viện nghiên cứu	2019	2.000	-	2.000	
4	Điều tra khu hệ nấm lớn tại VQG Chư Yang Sin	Luật Đa dạng sinh học, Luật BVMT	Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin ĐDSH để đề xuất các giải pháp bảo tồn hiệu quả	Điều tra khảo sát các loài nấm lớn Lập danh mục Đề xuất các giải pháp bảo tồn	Danh mục các loài nấm lớn giải pháp bảo tồn hiệu quả	VQG Chư Yang Sin và các trường ĐH viện nghiên cứu	2019	1.000	-	1.000	
5	Nâng cấp, đầu tư mới lò đốt	Luật BVMT	Đảm bảo vệ sinh môi trường	Đầu tư mới	2019	Sở Y tế	2019	2.000	-	2.000	
6	Hỗ trợ thu gom xử lý chất thải	Luật BVMT	thu gom, tập kết xử lý chất thải rắn	thu gom, tập kết xử lý chất thải rắn	thu gom, tập kết xử lý chất thải rắn	UBND huyện M'Đrăk	2019	500	-	500	

STT	Tên nhiệm vụ / dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019	Ghi chú
7	Lập dự án điều tra sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai xâm hại vào các khu rừng đặc dụng thuộc tỉnh Đắk Lắk	Luật ĐDSH, Luật BVMT, Công văn số 1028/BTNM T-KH ngày 30/3/2015 của Bộ TNMT	Cung cấp cơ sở dữ liệu về sinh thái, sinh học và bản đồ phân bố của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại hiện có tại các khu bảo tồn để có cơ sở xây dựng các chương trình giải pháp xử lý đối với các loài sinh vật	Thu thập thông tin về tài nguyên động vật, thực vật rừng, CSDL về sinh thái, sinh học phân bố các loài sinh vật ngoại lai; Lập danh mục các loài sinh vật ngoại lai xâm hại hiện có	Thu thập thông tin về tài nguyên động vật, thực vật rừng, CSDL về sinh thái, sinh học phân bố các loài sinh vật ngoại lai; Lập danh mục các loài sinh vật ngoại lai xâm hại hiện có	Vườn quốc gia, BQL khu BTTN Nam Ka, BQL KBT Loài	2019-2020	2.000	-	2.000	
8	Hợp tác quốc tế về bảo tồn Thông nước	Điều khoản 1 điều 147 Luật BVMT	Kêu gọi được sự quan tâm của các tổ chức quốc tế trong công tác bảo tồn Thông nước	Thực hiện công tác trao đổi thông tin, hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học, kêu gọi đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo tồn	Kêu gọi sự quan tâm của các tổ chức quốc tế, bổ sung hỗ trợ nguồn kinh phí cho công tác bảo tồn và phát triển bền vững	Sở NN&PTNT	2016-2020	2.650		2.650	
9	Chi cho việc thu gom rác	Luật BVMT	Tránh tình trạng ô nhiễm môi trường	Thu gom rác thải trên địa bàn huyện	Môi trường sạch đẹp	UBND huyện Ea Súp	2019	1.822	-	1.822	
10	Thiết bị phụ kiện xử lý chất thải rắn	Luật BVMT	Tránh tình trạng ô nhiễm môi trường	Thiết bị xử lý CTR	Môi trường sạch đẹp	Sở LĐ TB và XH	2019	900	-	900	
<b>II</b>	<b>Tổng cộng</b>							<b>20.005</b>	<b>-</b>	<b>20.005</b>	
<b>B</b>	<b>Nhiệm vụ thường xuyên</b>										
1	Quét dọn lòng đường vỉa hè, thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại thị trấn và các xã	Luật BVMT năm 2014	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	UBND huyện M'Đrắk	2019	3.000	1.500	1.500	

STT	Tên nhiệm vụ / dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019	Ghi chú
2	Thu gom vận chuyển xử lý chất thải thông thường một số khu vực trung tâm Huyện và trung tâm các xã, thị trấn	Luật BVMT năm 2015	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	Bảo vệ, làm sạch môi trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	UBND huyện Krông Năng	2019	2.538	1.538	1.000	
3	Thực hiện công tác tuyên truyền, tập huấn về công tác BVMT, đa dạng sinh học, tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường thế giới, ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Chương trình "Giờ trái đất".....	Điểm d, Khoản 1, Điều 147 Luật BVMT	Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý MT cấp huyện, xã. Nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân trong công tác BVMT	Tuyên truyền Luật BVMT; Đa dạng sinh học; Biến đổi khí hậu; MTTG 05/6;...	Các lớp tập huấn về TN&MT; các chương trình tuyên truyền về công tác BVMT trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cụm pa nô	Các Sở: TNMT; VH&DL; Sở TT& Truyền Thông; Công An tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố, Vườn quốc gia Chư Yang Sin, Khu bảo tồn TN Nam Ka	2017	1.500	-	1.500	
4	Nâng cấp bãi chôn lấp rác thải	Luật Bảo vệ môi trường năm 2015	Đảm bảo vệ sinh môi trường	Nâng cấp bãi chôn lấp rác thải	Bãi chôn lấp rác thải	UBND huyện Cư M'Gar	Năm 2017	1.500	-	1.500	

STT	Tên nhiệm vụ / dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019	Ghi chú
5	Quan trắc môi trường tỉnh Đắk Lắk	43/QĐ-UBND ngày 08/01/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch mạng quan trắc môi trường Tỉnh đến năm 2020	Thực hiện quan trắc theo QH mạng lưới quan trắc tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 đảm bảo quản lý chất lượng môi trường trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Lắk một cách bền vững	Phân tích chất lượng mẫu không khí; mẫu nước mặt; mẫu nước ngầm; mẫu nước thải công nghiệp; mẫu nước thải sinh hoạt; không khí khu công nghiệp	Báo cáo các chỉ số phân tích	Trung Tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Đắk Lắk	2017	935	-	935	Chi cho quan trắc năm 2017 và trả nợ chi phí quan trắc của năm 2015; 2016
6	Thu gom vận chuyển xử lý chôn lấp rác thải...	Luật BVMT	Tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp góp phần quan trọng trong công tác BVMT và sức	Hỗ trợ sự nghiệp công ích và sử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 1788/QĐ-TTg	Thu gom vận chuyển xử lý chôn lấp rác thải phẩm sinh học, trồng, chăm sóc	UBND huyện Ea Kar,	Hàng năm	8.000	-	8.000	
7	Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về BVMT cấp tỉnh	Điểm d, Khoản 1, Điều 147 Luật BVMT	Phát hiện các sai phạm	Thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ... cấp tỉnh quản lý	Tăng cường quản ký nhà nước về BVMT	Sở Tài nguyên và Môi trường			-		
7.1	Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch theo và đột xuất (gồm chi phí thuê xe và công tác phí phục vụ kiểm tra)	Điểm d, Khoản 1, điều 147 Luật BVMT	Phát hiện các sai phạm	Thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ...	Tăng cường quản ký nhà nước về BVMT	Sở Tài nguyên và Môi trường	2017	150	-	150	
7.2	Kiểm tra chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để	Điểm d, Khoản 1, Điều 147 Luật BVMT	xác định kết quả khắc phục ô nhiễm môi trường	Lấy mẫu phân tích	cấp giấy xác nhận hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm	Sở Tài nguyên và Môi trường	2017	53	-	53	

STT	Tên nhiệm vụ / dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019	Ghi chú
7.3	Giám định chất thải tại cơ sở trong thanh tra kiểm tra	Luật BVMT; Nghị định 38/2015/NĐ-CP, Thông tư 08/2014	Kiểm tra việc chấp hành pháp luật BVMT; phân loại cơ sở ô nhiễm và thu phí BVMT	Giám định 27 mẫu nước thải công nghiệp và mẫu khí thải 8; Kiểm tra bệnh viện nước thải 10 mẫu; khí thải 8	Tăng cường quản lý nhà nước về BVMT	Sở Tài nguyên và Môi trường	2017	200	-	200	
8	Thẩm định kế hoạch BVMT giản đơn (bao gồm 15 huyện và thành phố: 30tr/huyện x15 huyện)	Điểm d, Khoản 1, Điều 147 Luật BVMT	Phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho các dự án	Tổ chức thẩm định và kiểm tra thực tế	Giấy xác nhận	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2017	450	-	450	
9	Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về BVMT cấp huyện (15 huyện thành phố =15 x 200tr/huyện)	Điểm d, Khoản 1, Điều 147 Luật BVMT	Phát hiện các sai phạm	Thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ...	Tăng cường quản lý nhà nước về BVMT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2017	3.000	-	3.000	
10	Hỗ trợ vận hành hệ thống xử lý tại Bệnh viện Đa khoa huyện, thị xã, thành phố (20 Bệnh viện công x150 tr/1BV)	Điểm d, Khoản 1, Điều 147 Luật BVMT	Thu gom và xử lý chất rắn sinh hoạt	Thu gom, xử lý	Xử lý chất thải y tế; ngăn chặn ô nhiễm môi trường	Sở Y tế	2017	3.000	-	3.000	
III	<b>tổng cộng</b>							<b>24.326</b>	<b>3.038</b>	<b>21.288</b>	
C	<b>Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng</b>										
1	<i>Nhiệm vụ chuyên tiếp</i>										
2	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>							<b>41.445</b>	-	<b>41.445</b>	

STT	Tên nhiệm vụ / dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019	Ghi chú
2.1	Hỗ trợ xử lý môi trường các điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật (Kho thuốc Bảo vệ thực vật phường Khánh Xuân, tp.BMT; khu vực tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật tại thôn 7 và thôn 11 xã Cư NI, Ea Kar)	QĐ 58/2008/QĐ-TTg; và QĐ 38/2011/QĐ-TTg	Đảm bảo kho thuốc bảo vệ thực vật không gây ô nhiễm môi trường	Xây dựng và thực hiện phương án xử lý môi trường kho thuốc bảo vệ thực vật	Xử lý triệt để các điểm tồn lưu thuốc BVTV tại các điểm này.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2017-2019	40.000	-	40.000	
1.1	Hỗ trợ xử lý khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	QĐ 58/2008/QĐ-TTg; và QĐ 38/2011/QĐ-TTg	Bãi xử lý chất thải hợp vệ sinh tại các huyện	Xây dựng hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt	Khắc phục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	UBND huyện Ea Kar,		1.445	-	1.445	
<b>Tổng cộng I+II+III+IV</b>								<b>87.741</b>	<b>3.938</b>	<b>83.803</b>	